

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 38/2022/HNGS-ST

Ngày 04-7-2022

V/v: "Tranh chấp

Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Vân

2. Ông Đỗ Văn Ngôn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- **Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị B, sinh năm 1998 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Bãi Bằng, xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Bãi Bằng, xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Tại đơn xin ly hôn đề ngày 14/02/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Vũ Thị B trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 01/02/2020, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đức, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Bãi Bằng, xã Minh Đức. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường. Từ tháng 8/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm, anh T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên bạo hành tinh thần, xúc phạm và đánh chị. Tháng 8/2021 chị đã cùng con gái ra ngoài ở riêng sống ly thân. Đến tháng 10/2021 vợ chồng

cố gắng hàn gắn để cùng nhau chăm sóc con nên chị lại về sống chung với anh T. Về sống cùng nhau anh T không thay đổi mà ngày càng đánh chị nhiều hơn, đánh chị bị thương tích và đuổi chị ra khỏi nhà. Từ tháng 2/2022 cho đến nay vợ chồng chị ly thân nhau không còn chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh Toàn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Khánh Vy, sinh ngày 21/7/2020. Từ khi sinh ra con chung sống cùng chị, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, cháu Vy phát triển bình thường, cháu Vy sống cùng chị anh T không hề chăm sóc và cấp dưỡng gì. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 1.500.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện chị đang làm giáo viên trường mầm non, có thu nhập, công việc ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc cháu Vy.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Vũ Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Đối với anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh T không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Nguyên đơn chị B có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn anh T vắng mặt không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị B nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khánh Vy, sinh ngày 21/7/2020. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B là 1.500.000 đồng/01tháng, kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; ruộng canh tác; công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Vũ Thị B và anh Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn Bãi Bằng, xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Vũ Thị B vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B, anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Vũ Thị B, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị B và anh T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Đức, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy chị B và anh T sau khi về chung sống với nhau bình thường được một thời gian ngắn thì tháng 8/2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, do anh T không chăm lo cho gia đình, có đánh chị B. Sau đó vợ chồng sống ly thân nhau một thời gian thì chị B lại quay về sinh sống cùng anh T, về sống cùng nhau anh T không thay đổi. Đến tháng 02/2022 cho đến nay thì vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị B xác tình tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh T.

Mặt khác, theo xác minh tại địa phương xác định chị B, anh T khoảng tháng 8/2021 có xảy ra mâu thuẫn gia đình và địa phương có động viên hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau, sau đó vợ chồng chị B, anh T có hòa thuận với nhau được một thời gian, đến cuối năm 2021 thì chị B và con không sống với anh T nữa. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Khánh Vy, sinh ngày 21/7/2020. Ly hôn chị nhận

nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện chị đang làm giáo viên trường mầm non, có thu nhập, công việc ổn định, có thời gian, có đủ điều kiện chăm sóc cháu Vy. Cháu Vy chưa được 02 tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng và thông báo cho anh T biết về yêu cầu giải quyết nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu này của chị B. Theo xác minh tại địa phương thì anh T là công nhân, có thu nhập, nên chị B yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị B và giao cháu Vy cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Vy và anh T có thu nhập nên cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 7/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị B nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Khánh Vy, sinh ngày 21/7/2020. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B là 1.500.000 đồng/01tháng, kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Án phí:

- Chị Vũ Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0006246 ngày 22/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Vũ Thị B đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Minh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Minh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TỈNH BẮC GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 8 năm 2021.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

** **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thu Hằng, sinh năm 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi ĐKKHKT: Thôn Ngùi, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Hiện trú tại: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

** **Bị đơn:** Anh Dương Văn Hiệp, sinh năm 1996 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Ngùi, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu Hằng được ly hôn với anh Dương Văn Hiệp.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu Hằng nuôi dưỡng con chung là Dương Gia Hưng, sinh ngày 06/5/2020. Anh Dương Văn Hiệp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hằng là 1.000.000 đồng/01tháng, kể từ tháng 9 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Dương Văn Hiệp có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Hiệp thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị Hằng, anh Hiệp xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Án phí:

- Chị Trần Thị Thu Hằng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2020/0000325 ngày 24/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Trần Thị Thu Hằng đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Dương Văn Hiệp phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Quyền kháng cáo:

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 8 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân